

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI,
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/DS-ST
Ngày 06-01-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Việt Thắng
- Bà Nguyễn Huỳnh Hường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thuý Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 989/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2024, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 533/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị N, sinh năm 1969; địa chỉ: Khóm B, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 10 năm 2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lâm Thị N trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn H hộ khẩu thường trú ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau là người quen của nhau. Ông H có đến gặp bà và đề nghị bà cho ông H vay tiền để ông H cho người khác vay lại với mức lãi suất ông H cam kết trả cho bà là 5%/tháng. Do bà là người tàn tật thu nhập không nhiều chủ yếu đến từ công việc mai vá thuê nên số tiền bà có được bà đã chuyển hết cho ông H qua đường bưu điện làm nhiều lần, cụ thể: Năm 2019 bà chuyển 13 lần số tiền là 54,6.000.000 đồng, năm 2020 chuyển 14 lần số tiền là 29,4.000.000 đồng và năm 2021 chuyển 13 lần số tiền 23.000.000 đồng, tổng số tiền bà chuyển cho ông H là 107.000.000 đồng. Ngoài số tiền trên, theo đề

ngợi của ông H bà đã chuyển cho ông H các lần khác tuy nhiên do người nhận là những người khác không phải ông H nên bà không yêu cầu đối với các lần chuyển tiền này, trường hợp có phát sinh tranh chấp liên quan đến các lần chuyển này bà sẽ khởi kiện trong một vụ kiện khác. Việc chuyển tiền được thực hiện qua đường bưu điện và được thể hiện đầy đủ thông tin qua các biên nhận chuyển tiền mà bà đã cung cấp. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ là 107.000.000 đồng, bà không yêu cầu về lãi suất.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Nguyễn Văn H không đến Tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về và thẩm quyền giải quyết: Bà Lâm Thị N khởi kiện yêu cầu trả khoản nợ từ việc vay mượn nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Nguyễn Văn H cư trú tại xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn H vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai. Áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét về chứng cứ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ để bị đơn có ý kiến cũng như cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án nhưng bị đơn không chấp hành. Do đó Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

[4] Xét yêu cầu trả nợ của nguyên đơn, xét thấy: Quá trình làm việc, bà có cung cấp giấy biên nhận chuyển tiền có xác nhận của bưu điện nơi thực hiện giao dịch trong thời gian 3 năm từ năm 2019 đến năm 2021 tương ứng với các lần chuyển tiền như nguyên đơn trình bày. Tổng số tiền được thể hiện trên các giấy biên nhận đúng bằng số tiền mà bà N yêu cầu. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án có tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn để tiến hành hòa giải, xét xử nhưng ông Nguyễn Văn H không có mặt cũng như không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho tòa án để thể hiện sự phản đối yêu cầu của nguyên đơn, điều đó thể hiện về mặt ý thức, bị đơn không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận đối với số nợ mà nguyên đơn yêu cầu. Do đó, có đủ căn cứ xác định ông H có nhận của bà N 107.000.000 đồng, bà N yêu cầu trả nợ nên áp dụng khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự, buộc ông H trả cho bà N toàn bộ số tiền trên. Bà N không yêu cầu trả lãi nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Đối với việc bà N xác định bà có chuyển tiền cho những người là Trương

Thị Mỹ L, Nguyễn Văn M, Trần Thị Tuyết H1, Vũ Thị T theo yêu cầu của ông H, tuy nhiên hiện bà không đủ cơ sở chứng minh số tiền chuyển trên là chuyển theo yêu cầu của ông H nên bà không yêu cầu xử lý, Hội đồng xét xử không xét, trường hợp các bên có tranh chấp bà N có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Vì toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Văn H phải chịu $(107.000.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 5.350.000.000$ đồng án phí dân sự sơ thẩm. Vì toàn bộ yêu cầu của bà N được chấp nhận nên bà không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Buộc ông Nguyễn Văn H trả cho bà Lâm Thị N 107.000.000 (một trăm lẻ bảy triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 5.350.000 (năm triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H2 lại cho bà Lâm Thị N số tiền là 3.450.000 (ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005819 ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Phòng KT-NV TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hợp